TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST Ngày 03-6-2022 V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thanh Nhã.

Ông Nguyễn Văn Ngộ.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị Mỹ L, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 16 tháng 12 năm 2022, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phan Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 1994, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chị L và anh T chung sống hạnh phúc, đến tháng 02/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý

kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị L và anh T sống ly thân từ tháng 02/2015 cho đến nay. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, nên chị L yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa chị và anh T không phải là vợ chồng; về con chung: trong thời gian chung sống chị L và anh T có hai con chung là Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 22/3/1996 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 24/7/2002, hiện nay Ngọc N và K đều đã thành niên, không có bệnh tật gì, có khả năng lao động tự nuôi bản thân, chị L không yêu cầu về con chung; về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống chị L và anh T không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 17/3/2022 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Về hôn nhân: Anh T đồng ý yêu cầu của chị L về tuyên bố quan hệ giữa anh chị không phải là vợ chồng; về con chung là Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 22/3/1996 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 24/7/2002, hiện nay Ngọc N và K đều đã hành niên, không có bệnh tật gì, có khả năng lao động tự nuôi bản thân, anh T không yêu cầu về con chung; về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống chị L và anh T không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ tranh chấp: nguyên đơn chị L yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, nên Hội đồng xét xử xác định "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" là phù hợp theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu về hôn nhân của chị L. Chị L và anh T chung sống với nhau và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 1994, trên tinh thần tự nguyện của anh chị. Trong thời gian chung sống do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đến tháng 02/2015 thì anh chị không sống chung cho đến nay. Xét chị L và anh T đã chung

sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, có đủ điều kiện kết hôn, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên quan hệ của anh chị không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng; chị L và anh T đều không muốn hàn gắn để chung sống với nhau và cùng thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, yêu cầu của chị L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị L và anh T cùng xác định anh và chị có hai con chung là Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 22/3/1996 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 24/7/2002, hiện nay Ngọc N và K đều đã thành niên không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi bản thân, chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T đều thống nhất không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ L.

1. Về hôn nhân: tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: con chung của chị L và anh T là Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 22/3/1996 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 24/7/2002, hiện nay Ngọc N và K đều đã thành niên không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi bản thân, chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu, nên không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh T không phải chịu án phí; chị L phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001742 ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã A;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Ngoan